

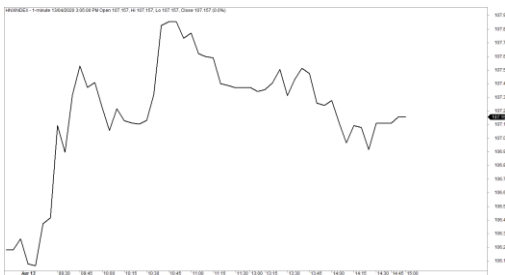
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	765.79	107.16	50.86
% ngày	1.04%	0.92%	0.45%
% tuần	3.94%	3.78%	1.05%
% tháng	0.53%	5.70%	0.73%
% năm	-22.09%	-0.50%	-10.20%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,235	485	174
TB 1 tuần	4,194	549	194
TB 1 tháng	4,177	529	244
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	537.84	2.22	11.71
Bán	785.44	17.55	20.34
Giá trị ròng	-247.60	-15.33	-8.63
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	207	74	119
Mã Giảm	96	61	68
Không Đổi	89	238	716
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	11.78	9.22	13.17
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,646	199	748
LS Cổ tức	3.31%	6.15%	5.40%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp diễn xu hướng tăng nhưng VN-Index rung lắc mạnh tại ngưỡng 775 điểm. Chỉ số VN-Index chốt phiên tại 765.79 điểm tăng 1.04%. Chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận tăng 0.92% đóng cửa tại 107.16 điểm; chỉ số Upcom-Index tăng 0.45%. Điểm trừ hiện tại là dòng tiền sụt giảm phiên thứ 2 liên tiếp khi giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt 3,600 tỷ đồng.

Nhóm Ngân hàng là động lực hỗ trợ cho chỉ số với VPB tăng kịch trần đóng cửa tại 19,950 đồng/cp. Trong các cổ phiếu còn lại trong nhóm, chỉ TCB(+2.7%), SHB(+1.7%), MBB(+1.3%) có mức tăng mạnh trong khi các cổ phiếu còn lại chỉ tăng nhẹ. Ngoài ra, VRE(+6.9%), HVN(+6.8%), VJC(+6%), HPG(+2.9%), GAS(+1.3%) cũng đóng góp lớn vào đà tăng của VN-Index.

Mặc dù vậy, chúng tôi nhận thấy áp lực bán giá cao đã xuất hiện rõ hơn trong phiên hôm nay khiến các bluechips giảm độ cao hoặc quay đầu giảm như MSN(-3.5%), PLX(-1.1%).

Một số cổ phiếu có tín hiệu đáng chú ý khác như BHN tăng trần phiên thứ 2 liên tiếp đóng cửa 47,000 đồng/cp. Các cổ phiếu nhóm Dịch vụ Hàng không như ACV, AST cũng tiếp tục khởi sắc và hồi phục sau giai đoạn giảm sâu vừa qua.

Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng với giá trị 271 tỷ đồng toàn thị trường. VIC(83.5 tỷ), BID(58.3 tỷ), HDB(49.9 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VRE(24.3 tỷ), HPG(14.3 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh trong phiên giao dịch kế tiếp với mức hỗ trợ cho nhịp điều chỉnh là 715 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy cho nên dòng tiền sẽ tiếp tục có sự phân hóa và thường xuyên xuất hiện các nhịp rung lắc trong phiên cho nên các nhà đầu tư nên hạn chế mua đuổi ở các nhịp tăng mạnh. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng về vùng rủi ro cho nên chiến lược ngắn hạn là nên tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 722.41 điểm của chỉ số VN-Index và 97.91 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và hạn chế mua đuổi ở các nhịp tăng hoặc hạn chế mua mới trong giai đoạn này.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 73% cổ phiếu/27% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

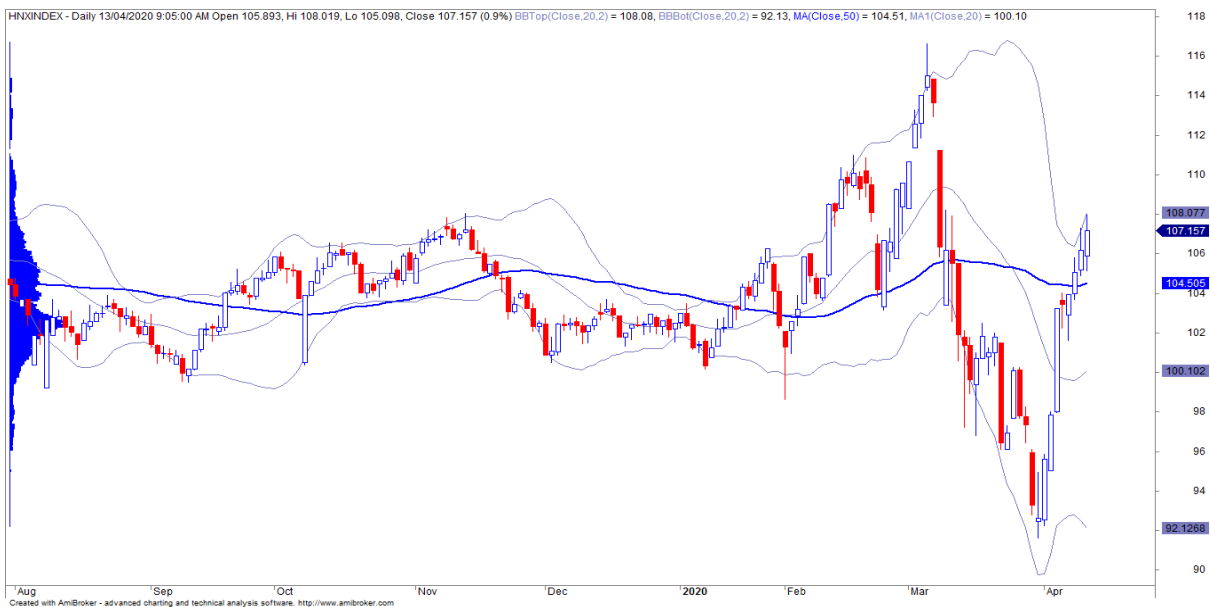


We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.65	TĂNG	GIẢM	10.80	9.90	-1.39%			11.95		
ACB	20.00	TĂNG	GIẢM	20.60	17.97	-2.91%			22.19		
ACV	54.40	TĂNG	GIẢM	49.50	46.05	9.90%			56.34		
ANV	16.75	TĂNG	TĂNG	14.85	15.69	12.79%			16.44		
ASM	4.26	TĂNG	GIẢM	4.15	3.88	2.65%			4.56		
BFC	10.20	GIẢM	GIẢM	10.70	10.20	-4.67%	BÁN		11.56		
BID	37.15	TĂNG	GIẢM	36.70	33.99	1.23%			40.35		
BMP	39.55	TĂNG	GIẢM	37.95	37.51	4.22%			40.61		
BSR	5.80	TĂNG	GIẢM	6.10	4.91	-4.92%			6.90		
BVH	46.25	TĂNG	GIẢM	39.50	42.77	17.09%			46.90		
BWE	18.00	TĂNG	GIẢM	18.00	16.38	0.00%			19.61		
CEO	6.80	TĂNG	GIẢM	6.80	6.75	0.00%	MUA		7.29		
CII	18.65	GIẢM	GIẢM		20.36				21.58		
CMG	26.50	TĂNG	GIẢM	25.50	23.61	3.92%			28.03		
CMX	11.10	GIẢM	TĂNG		11.47			13.50	9.24	-17.78%	
CSM	14.20	GIẢM	TĂNG		14.58			12.25	13.53	15.92%	
CTD	53.50	TĂNG	GIẢM	54.20	48.05	-1.29%			61.46		
CTG	19.60	TĂNG	GIẢM	20.10	17.93	-2.49%			21.98		
CTR	35.10	TĂNG	GIẢM	34.50	29.56	1.74%			39.76		
CVT	17.30	TĂNG	GIẢM	16.90	16.59	2.37%			17.79		
DCM	6.21	TĂNG	GIẢM	5.86	5.96	5.97%		6.40	6.22	-2.79%	MUA
DGC	22.80	TĂNG	GIẢM	22.50	20.10	1.33%			24.23		
DGW	22.00	TĂNG	GIẢM	20.40	20.24	7.84%			23.06		
DHA	27.75	GIẢM	GIẢM		29.83				32.52		
DHC	34.65	TĂNG	GIẢM	34.00	31.95	1.91%			36.68		
DHG	89.20	TĂNG	GIẢM	82.50	81.41	8.12%			93.96		
DIG	10.95	GIẢM	GIẢM		11.53				12.63		
DPG	24.90	TĂNG	GIẢM	24.90	21.84	0.00%			29.59		
DPM	13.85	TĂNG	TĂNG	12.05	12.64	14.94%		13.70	12.75	1.09%	MUA
DPR	35.25	GIẢM	GIẢM		36.06				39.12		
DQC	17.05	TĂNG	TĂNG	16.75	15.44	1.79%		16.00	13.48	6.56%	
DRC	17.10	TĂNG	GIẢM	16.70	15.48	2.40%			18.80		
DXG	9.05	TĂNG	GIẢM	8.89	8.07	1.80%			10.75		
EIB	15.20	GIẢM	GIẢM		16.43				17.15		

We Create Fortune

FCN	8.30	TĂNG	GIẢM	7.58	7.45	9.50%			8.61		
FMC	19.95	TĂNG	TĂNG	18.70	18.58	6.68%		19.95	19.54	0.00%	MUA
FPT	46.50	TĂNG	GIẢM	44.60	43.21	4.26%			49.62		
GAS	68.00	TĂNG	GIẢM	63.00	59.98	7.94%			70.18		
GEX	15.00	TĂNG	GIẢM	14.60	13.46	2.74%			16.57		
GIL	16.00	GIẢM	GIẢM		16.84				19.38		
GMD	16.70	TĂNG	GIẢM	16.50	15.00	1.21%			17.73		
GTN	14.70	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	-2.00%			17.14		
GVR	10.15	TĂNG	GIẢM	10.10	8.93	0.50%			11.07		
HAG	3.13	TĂNG	GIẢM	2.81	2.89	11.39%			3.22		
HAX	11.75	TĂNG	GIẢM	11.30	10.28	3.98%			12.65		
HBC	7.25	TĂNG	GIẢM	7.31	6.41	-0.82%			8.49		
HCM	15.50	TĂNG	TĂNG	13.55	13.63	14.39%		15.45	15.29	0.32%	MUA
HDB	20.20	TĂNG	GIẢM	20.50	18.31	-1.46%			22.50		
HDC	16.50	GIẢM	GIẢM		16.68				18.98		
HDG	20.80	TĂNG	GIẢM	18.95	17.95	9.76%			21.43		
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78				13.55		
HPG	19.35	TĂNG	GIẢM	18.85	16.94	2.65%			19.92		
HSG	5.65	TĂNG	GIẢM	5.56	5.06	1.62%			6.20		
HT1	12.20	TĂNG	GIẢM	11.95	10.94	2.09%			12.34		
HUT	1.60	TĂNG	GIẢM	1.60	1.59	0.00%	MUA		1.94		
HVN	23.55	TĂNG	TĂNG	20.65	19.01	14.04%			23.04		
KBC	11.85	TĂNG	GIẢM	11.75	10.82	0.85%			12.90		
KDH	20.15	TĂNG	GIẢM	20.00	18.24	0.75%			20.98		
KSB	15.05	TĂNG	GIẢM	14.00	12.71	7.50%			16.48		
LCG	4.70	TĂNG	GIẢM	4.51	4.14	4.21%			5.15		
LDG	5.10	TĂNG	GIẢM	4.93	4.15	3.45%			5.81		
LHG	13.60	TĂNG	GIẢM	12.60	12.39	7.94%			13.83		
LPB	6.60	GIẢM	GIẢM		6.71				7.48		
MBB	15.75	TĂNG	GIẢM	15.75	14.44	0.00%			16.97		
MPC	19.90	TĂNG	TĂNG	20.80	18.39	-4.33%		24.10	17.84	-17.43%	
MSN	58.10	TĂNG	TĂNG	52.30	55.61	11.09%		60.20	56.41	-3.49%	MUA
MSR	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	-0.67%			16.05		
MWG	75.00	TĂNG	GIẢM	69.90	65.54	7.30%			77.50		
NDN	16.00	TĂNG	GIẢM	15.80	15.09	1.27%		16.20	16.08	-0.72%	MUA
NKG	5.20	TĂNG	GIẢM	5.27	4.60	-1.33%			6.27		
NLG	21.40	TĂNG	GIẢM	20.80	19.30	2.88%			23.41		
NT2	18.30	TĂNG	GIẢM	18.10	17.28	1.10%			19.04		
NTL	17.35	TĂNG	GIẢM	17.50	15.07	-0.86%			19.42		

We Create Fortune

NVL	52.00	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.60	GIẢM	GIẢM		6.67				7.56		
PAC	20.40	TĂNG	TĂNG	18.85	17.63	8.22%			20.24		
PC1	13.15	TĂNG	GIẢM	11.80	11.48	11.44%			13.23		
PDR	25.15	GIẢM	GIẢM		25.74				26.58		
PHR	41.05	TĂNG	GIẢM	38.85	37.14	5.66%			43.64		
PLX	40.35	TĂNG	GIẢM	39.97	36.72	0.95%			43.61		
PNJ	57.60	TĂNG	GIẢM	55.50	51.73	3.78%			59.33		
POW	8.80	TĂNG	GIẢM	8.14	7.90	8.11%			9.14		
PVT	9.18	TĂNG	GIẢM	8.61	8.15	6.62%			10.00		
PPC	24.65	TĂNG	GIẢM	23.60	22.57	4.45%			25.05		
PTB	43.40	TĂNG	GIẢM	39.35	38.29	10.29%			45.17		
PVB	12.60	TĂNG	TĂNG	9.60	9.58	31.25%		11.50	10.98	9.57%	MUA
PVD	9.90	TĂNG	TĂNG	8.06	8.38	22.83%			9.55		
PVI	30.80	TĂNG	TĂNG	29.70	28.56	3.70%		30.70	30.34	0.33%	MUA
PVS	12.30	TĂNG	GIẢM	11.30	10.43	8.85%			12.44		
PXS	3.76	TĂNG	TĂNG	3.08	3.02	22.08%			3.63		
QNS	24.70	TĂNG	GIẢM	22.60	23.21	9.29%			25.30		
REE	30.40	TĂNG	GIẢM	30.20	28.16	0.66%			31.90		
SAB	141.00	TĂNG	GIẢM	137.00	127.60	2.92%			152.82		
SAM	9.25	GIẢM	TĂNG		9.46			7.40	8.90	25.00%	
SCR	4.09	TĂNG	GIẢM	4.30	3.69	-4.88%			4.82		
SHI	8.79	TĂNG	GIẢM	8.70	8.06	1.03%			9.06		
SJS	18.25	TĂNG	GIẢM	17.10	14.74	6.73%			19.09		
SKG	9.21	TĂNG	TĂNG	7.90	7.91	16.58%			9.18		
SSI	13.15	TĂNG	TĂNG	13.25	11.96	-0.75%		13.30	13.03	-1.13%	MUA
STB	9.04	TĂNG	GIẢM	8.93	8.29	1.23%			9.71		
TCB	17.20	TĂNG	GIẢM	16.95	15.41	1.47%			18.37		
TCM	14.55	TĂNG	GIẢM	13.45	13.34	8.18%			15.44		
TDH	7.13	TĂNG	GIẢM	6.73	6.17	5.94%			7.37		
TLH	2.54	GIẢM	GIẢM		2.74				3.12		
TNG	11.50	TĂNG	TĂNG	9.70	10.42	18.56%		11.70	11.21	-1.71%	MUA
VCB	70.80	TĂNG	GIẢM	65.00	64.32	8.92%			73.63		
VCG	24.70	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	57.10	TĂNG	GIẢM	57.30	54.01	-0.35%			68.26		
VGC	15.75	TĂNG	GIẢM	14.90	14.74	5.70%			16.05		
VGT	8.10	TĂNG	TĂNG	7.10	6.19	14.08%			8.06		
VHC	25.70	TĂNG	GIẢM	25.10	24.02	2.39%			27.51		
VHM	67.30	TĂNG	TĂNG	66.00	61.85	1.97%		67.10	66.94	0.30%	MUA



We Create Fortune

VIB	14.20	GIẢM	GIẢM		14.64				15.52		
VIC	96.00	TĂNG	TĂNG	86.80	85.26	10.60%		95.00	91.02	1.05%	MUA
VIP	4.10	GIẢM	GIẢM		4.27				4.57		
VJC	115.70	TĂNG	TĂNG	109.10	98.10	6.05%			111.65		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.19				12.80		
VNG	13.30	TĂNG	GIẢM	12.90	12.72	3.10%			14.72		
VNM	99.10	TĂNG	GIẢM	94.00	93.42	5.43%			102.01		
VPB	19.95	TĂNG	GIẢM	19.45	16.80	2.57%			22.03		
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.00	41.91	0.00%	MUA	41.30	40.58	1.69%	
VRC	5.16	GIẢM	GIẢM		5.29				7.77		
VRE	25.45	TĂNG	TĂNG	20.85	20.70	22.06%		23.80	23.66	6.93%	MUA
VSC	21.65	TĂNG	GIẢM	21.50	20.39	0.70%			23.65		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	20.00	TĂNG	GIẢM	20.60	17.97	-2.91%			22.19		
BID	37.15	TĂNG	GIẢM	36.70	33.99	1.23%			40.35		
BSR	5.80	TĂNG	GIẢM	6.10	4.91	-4.92%			6.90		
BVH	46.25	TĂNG	GIẢM	39.50	42.77	17.09%			46.90		
CTG	19.60	TĂNG	GIẢM	20.10	17.93	-2.49%			21.98		
FPT	46.50	TĂNG	GIẢM	44.60	43.21	4.26%			49.62		
GAS	68.00	TĂNG	GIẢM	63.00	59.98	7.94%			70.18		
GEX	15.00	TĂNG	GIẢM	14.60	13.46	2.74%			16.57		
GVR	10.15	TĂNG	GIẢM	10.10	8.93	0.50%			11.07		
HDB	20.20	TĂNG	GIẢM	20.50	18.31	-1.46%			22.50		
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78				13.55		
HPG	19.35	TĂNG	GIẢM	18.85	16.94	2.65%			19.92		
HVN	23.55	TĂNG	TĂNG	20.65	19.01	14.04%			23.04		
KDH	20.15	TĂNG	GIẢM	20.00	18.24	0.75%			20.98		
MBB	15.75	TĂNG	GIẢM	15.75	14.44	0.00%			16.97		
MSN	58.10	TĂNG	TĂNG	52.30	55.61	11.09%		60.20	56.41	-3.49%	MUA
MWG	75.00	TĂNG	GIẢM	69.90	65.54	7.30%			77.50		
NVL	52.00	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.60	GIẢM	GIẢM		6.67				7.56		
PLX	40.35	TĂNG	GIẢM	39.97	36.72	0.95%			43.61		
PNJ	57.60	TĂNG	GIẢM	55.50	51.73	3.78%			59.33		

We Create Fortune

POW	8.80	TĂNG	GIẢM	8.14	7.90	8.11%			9.14		
QNS	24.70	TĂNG	GIẢM	22.60	23.21	9.29%			25.30		
REE	30.40	TĂNG	GIẢM	30.20	28.16	0.66%			31.90		
ROS	4.08	TĂNG	GIẢM	4.28	3.52	-4.67%			6.80		
SBT	14.00	TĂNG	GIẢM	14.00	13.91	0.00%	MUA		15.86		
SSI	13.15	TĂNG	TĂNG	13.25	11.96	-0.75%		13.30	13.03	-1.13%	MUA
STB	9.04	TĂNG	GIẢM	8.93	8.29	1.23%			9.71		
TCB	17.20	TĂNG	GIẢM	16.95	15.41	1.47%			18.37		
TPB	17.40	GIẢM	GIẢM		18.55				23.94		
VCB	70.80	TĂNG	GIẢM	65.00	64.32	8.92%			73.63		
VCG	24.70	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	57.10	TĂNG	GIẢM	57.30	54.01	-0.35%			68.26		
VEA	35.00	TĂNG	GIẢM	31.50	31.22	11.11%			59.45		
VGI	22.30	TĂNG	GIẢM	22.60	19.74	-1.33%			25.85		
VHM	67.30	TĂNG	TĂNG	66.00	61.85	1.97%		67.10	66.94	0.30%	MUA
VIB	14.20	GIẢM	GIẢM		14.64				15.52		
VIC	96.00	TĂNG	TĂNG	86.80	85.26	10.60%		95.00	91.02	1.05%	MUA
VJC	115.70	TĂNG	TĂNG	109.10	98.10	6.05%			111.65		
VNM	99.10	TĂNG	GIẢM	94.00	93.42	5.43%			102.01		
VPB	19.95	TĂNG	GIẢM	19.45	16.80	2.57%			22.03		
VRE	25.45	TĂNG	TĂNG	20.85	20.70	22.06%		23.80	23.66	6.93%	MUA

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.65	TĂNG	GIẢM	10.80	9.90	-1.39%			11.95		
ANV	16.75	TĂNG	TĂNG	14.85	15.69	12.79%			16.44		
ASM	4.26	TĂNG	GIẢM	4.15	3.88	2.65%			4.56		
BMI	17.20	TĂNG	GIẢM	16.95	14.87	1.47%			18.85		
BMP	39.55	TĂNG	GIẢM	37.95	37.51	4.22%			40.61		
BWE	18.00	TĂNG	GIẢM	18.00	16.38	0.00%			19.61		
CEO	6.80	TĂNG	GIẢM	6.80	6.75	0.00%	MUA		7.29		
CII	18.65	GIẢM	GIẢM		20.36				21.58		
CRE	16.70	TĂNG	GIẢM	16.70	16.08	0.00%	MUA		17.38		
CTI	19.30	GIẢM	GIẢM		21.75				23.07		
CTR	35.10	TĂNG	GIẢM	34.50	29.56	1.74%			39.76		
D2D	51.00	TĂNG	GIẢM	51.10	45.76	-0.20%			57.71		

We Create Fortune

DBD	50.10	TĂNG	GIẢM	48.80	47.71	2.66%			50.57		
DCM	6.21	TĂNG	GIẢM	5.86	5.96	5.97%		6.40	6.22	-2.79%	MUA
DGW	22.00	TĂNG	GIẢM	20.40	20.24	7.84%			23.06		
DHC	34.65	TĂNG	GIẢM	34.00	31.95	1.91%			36.68		
DIG	10.95	GIẢM	GIẢM		11.53				12.63		
DPG	24.90	TĂNG	GIẢM	24.90	21.84	0.00%			29.59		
DPM	13.85	TĂNG	TĂNG	12.05	12.64	14.94%		13.70	12.75	1.09%	MUA
DRC	17.10	TĂNG	GIẢM	16.70	15.48	2.40%			18.80		
DXG	9.05	TĂNG	GIẢM	8.89	8.07	1.80%			10.75		
E1VFN30	11.80	TĂNG	GIẢM	11.22	10.75	5.17%			11.99		
FCN	8.30	TĂNG	GIẢM	7.58	7.45	9.50%			8.61		
FLC	3.01	TĂNG	GIẢM	3.02	2.74	-0.33%			3.57		
GEG	20.95	TĂNG	GIẢM	20.80	19.15	0.72%			22.70		
GMD	16.70	TĂNG	GIẢM	16.50	15.00	1.21%			17.73		
GTN	14.70	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	-2.00%			17.14		
HAG	3.13	TĂNG	GIẢM	2.81	2.89	11.39%			3.22		
HBC	7.25	TĂNG	GIẢM	7.31	6.41	-0.82%			8.49		
HCM	15.50	TĂNG	TĂNG	13.55	13.63	14.39%		15.45	15.29	0.32%	MUA
HDC	16.50	GIẢM	GIẢM		16.68				18.98		
HDG	20.80	TĂNG	GIẢM	18.95	17.95	9.76%			21.43		
HPX	27.65	GIẢM	#N/A		28.28			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	5.65	TĂNG	GIẢM	5.56	5.06	1.62%			6.20		
HT1	12.20	TĂNG	GIẢM	11.95	10.94	2.09%			12.34		
HTM	12.20	TĂNG	GIẢM	12.80	10.67	-4.69%			15.81		
IBC	21.85	TĂNG	TĂNG	20.80	21.07	5.05%		21.75	20.03	0.46%	
IDI	3.60	TĂNG	GIẢM	3.31	3.34	8.76%			3.77		
IJC	9.29	TĂNG	GIẢM	9.12	8.50	1.86%			10.53		
ITA	1.91	GIẢM	GIẢM		2.02				2.27		
KBC	11.85	TĂNG	GIẢM	11.75	10.82	0.85%			12.90		
KDC	15.05	GIẢM	GIẢM		16.16				17.43		
KOS	28.40	TĂNG	TĂNG	28.80	25.96	-1.39%		26.30	26.55	7.98%	
KSB	15.05	TĂNG	GIẢM	14.00	12.71	7.50%			16.48		
LDG	5.10	TĂNG	GIẢM	4.93	4.15	3.45%			5.81		
LPB	6.60	GIẢM	GIẢM		6.71				7.48		
MBG	9.00	TĂNG	GIẢM	7.40	6.73	21.62%			14.73		
MBS	9.30	TĂNG	GIẢM	9.90	8.60	-6.06%			10.76		
MPC	19.90	TĂNG	TĂNG	20.80	18.39	-4.33%		24.10	17.84	-17.43%	
NBB	18.85	TĂNG	TĂNG	20.05	16.84	-5.99%		18.80	18.61	0.27%	MUA



We Create Fortune

NKG	5.20	TĂNG	GIẢM	5.27	4.60	-1.33%			6.27		
NLG	21.40	TĂNG	GIẢM	20.80	19.30	2.88%			23.41		
NT2	18.30	TĂNG	GIẢM	18.10	17.28	1.10%			19.04		
NTL	17.35	TĂNG	GIẢM	17.00	15.07	2.06%			19.42		
NVB	8.10	GIẢM	GIẢM		8.83				9.18		
OGC	2.75	TĂNG	GIẢM	2.67	2.47	3.00%			2.92		
PC1	13.15	TĂNG	GIẢM	11.80	11.48	11.44%			13.23		
PDR	25.15	GIẢM	GIẢM		25.74				26.58		
PHR	41.05	TĂNG	GIẢM	38.85	37.14	5.66%			43.64		
PPC	24.65	TĂNG	GIẢM	23.60	22.57	4.45%			25.05		
PTB	43.40	TĂNG	GIẢM	39.35	38.29	10.29%			45.17		
PVD	9.90	TĂNG	TĂNG	8.06	8.38	22.83%			9.55		
PVI	30.80	TĂNG	TĂNG	29.70	28.56	3.70%		30.70	30.34	0.33%	MUA
PVS	12.30	TĂNG	GIẢM	11.30	10.43	8.85%			12.44		
PVT	9.18	TĂNG	GIẢM	8.61	8.15	6.62%			10.00		
QCG	5.68	TĂNG	GIẢM	6.46	5.27	-12.07%			7.51		
SCR	4.09	TĂNG	GIẢM	4.30	3.69	-4.88%			4.82		
SGP	6.40	TĂNG	GIẢM	5.90	4.92	8.47%			6.54		
SHB	17.80	TĂNG	TĂNG	12.70	14.44	40.16%		7.10	9.88	150.70%	
SHS	9.00	TĂNG	TĂNG	6.90	6.90	30.43%		8.20	7.64	9.76%	MUA
SZC	14.10	TĂNG	GIẢM	14.30	12.90	-1.40%			16.12		
TCH	19.70	TĂNG	GIẢM	20.55	18.29	-4.14%			23.67		
TCM	14.55	TĂNG	GIẢM	13.45	13.34	8.18%			15.44		
TDH	7.13	TĂNG	GIẢM	6.73	6.17	5.94%			7.37		
TNG	11.50	TĂNG	TĂNG	9.70	10.42	18.56%		11.70	11.21	-1.71%	MUA
TTB	2.49	GIẢM	GIẢM		2.57				3.86		
VGC	15.75	TĂNG	GIẢM	14.90	14.74	5.70%			16.05		
VGT	8.10	TĂNG	TĂNG	7.10	6.19	14.08%			8.06		
VHC	25.70	TĂNG	GIẢM	25.10	24.02	2.39%			27.51		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.19				12.80		
VNG	13.30	TĂNG	GIẢM	12.90	12.72	3.10%			14.72		
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.00	41.91	0.00%	MUA	41.30	40.58	1.69%	

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.90	TĂNG	GIẢM	5.00	4.37	-2.00%			6.04		
AGR	2.78	TĂNG	GIẢM	2.78	2.61	0.00%	MUA		2.94		
AMD	2.85	GIẢM	GIẢM		3.28				4.02		
APG	9.40	TĂNG	GIẢM	8.75	8.50	7.43%			9.84		
ART	2.30	GIẢM	GIẢM		2.44				3.02		
BCG	5.10	TĂNG	GIẢM	4.94	4.42	3.24%			5.72		
C4G	5.20	TĂNG	GIẢM	4.50	3.88	15.56%			5.42		
C69	5.40	TĂNG	GIẢM	5.40	4.72	0.00%			7.87		
CCL	5.40	TĂNG	GIẢM	4.68	4.80	15.38%			5.68		
CVT	17.30	TĂNG	GIẢM	16.90	16.59	2.37%			17.79		
DAH	10.00	TĂNG	GIẢM	9.26	8.20	7.99%			10.18		
DLG	1.54	GIẢM	GIẢM		1.69				2.00		
DRH	4.29	TĂNG	GIẢM	3.75	3.28	14.40%			4.83		
DTD	10.50	GIẢM	GIẢM		10.63				12.32		
EVG	2.44	TĂNG	GIẢM	2.47	2.20	-1.21%			2.73		
FIT	6.27	TĂNG	GIẢM	5.99	4.80	4.67%			7.35		
FTM	1.34	GIẢM	GIẢM		1.47				2.19		
FUES SV50	10.50	TĂNG	TĂNG	9.90	9.74	6.06%		10.40	10.31	0.96%	MUA
GKM	16.30	TĂNG	TĂNG	15.70	15.14	3.82%		14.90	14.87	9.40%	
HAH	9.95	TĂNG	GIẢM	9.44	9.00	5.40%			10.15		
HAI	2.70	GIẢM	GIẢM		3.13				3.97		
HAR	2.66	TĂNG	GIẢM	2.56	2.27	3.91%			3.15		
HDA	6.80	GIẢM	GIẢM		7.09				7.81		
HHP	13.60	TĂNG	TĂNG	13.80	12.65	-1.45%		13.20	11.66	3.03%	
HHS	3.39	GIẢM	GIẢM		3.61				4.08		
HID	2.30	TĂNG	GIẢM	2.34	1.98	-1.71%			2.69		
HII	12.75	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	15.91%	
HQC	1.08	GIẢM	GIẢM		1.13				1.31		
HSL	5.72	TĂNG	TĂNG	4.10	4.61	39.51%		5.35	5.01	6.92%	MUA
HUT	1.60	TĂNG	GIẢM	1.60	1.59	0.00%	MUA		1.94		
HVG	5.80	GIẢM	GIẢM		6.50				6.74		
HVH	7.15	GIẢM	GIẢM		7.46				9.52		
IDJ	16.40	GIẢM	GIẢM		17.99				19.86		

We Create Fortune

JVC	2.55	TĂNG	GIẢM	2.53	2.26	0.79%			3.00		
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.70			1.50	1.44	-4.15%	BÁN
LCG	4.70	TĂNG	GIẢM	4.51	4.14	4.21%			5.15		
LGL	4.79	TĂNG	GIẢM	4.79	4.66	0.00%	MUA		5.40		
LHG	13.60	TĂNG	GIẢM	12.60	12.39	7.94%			13.83		
LMH	1.17	GIẢM	GIẢM		1.30				2.56		
MST	2.90	GIẢM	GIẢM		3.39				4.98		
NDN	16.00	TĂNG	GIẢM	15.80	15.09	1.27%		16.20	16.08	-0.72%	MUA
PHC	10.05	TĂNG	GIẢM	10.50	9.38	-4.29%			10.81		
PLP	7.33	TĂNG	GIẢM	6.94	5.77	5.62%			8.53		
PVB	12.60	TĂNG	TĂNG	9.60	9.58	31.25%		11.50	10.98	9.57%	MUA
PVC	5.10	TĂNG	GIẢM	4.90	4.53	4.08%			5.27		
PVX	1.00	TĂNG	GIẢM	1.00	0.95	0.00%	MUA		1.06		
PXL	7.80	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-3.70%		6.70	6.88	16.42%	
SHI	8.79	TĂNG	GIẢM	8.70	8.06	1.03%			9.06		
SJF	1.29	GIẢM	GIẢM		1.35				1.66		
SPP	0.40	GIẢM	GIẢM		0.66				1.39		
TDC	7.25	TĂNG	GIẢM	7.06	6.55	2.69%			7.53		
TIG	5.30	TĂNG	GIẢM	5.30	4.53	0.00%			6.68		
TLH	2.54	GIẢM	GIẢM		2.74				3.12		
TNA	15.35	GIẢM	GIẢM		15.48				18.25		
TNI	10.40	GIẢM	GIẢM		10.54				10.85		
TSC	2.19	GIẢM	GIẢM		2.26				2.78		
TTF	2.10	GIẢM	GIẢM		2.14				2.44		
TTH	1.70	GIẢM	GIẢM		1.80				2.14		
TVC	26.40	GIẢM	GIẢM		26.83				30.87		
VC3	16.90	TĂNG	TĂNG	15.80	16.29	6.96%		16.90	16.61	0.00%	MUA
VCR	8.00	GIẢM	TĂNG		8.70			12.90	7.61	-37.98%	
VNA	2.10	GIẢM	GIẢM		2.21				2.84		
VNE	3.80	TĂNG	GIẢM	3.65	3.39	4.11%			3.94		
VRC	5.16	GIẢM	GIẢM		5.29				7.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	765.79	1.04%	HNI	107.16	0.92%	UPCoM	50.86	0.45%
VN30	706.37	1.53%	HN30	202.37	1.07%			
VN Mid	735.61	0.66%	VNX	680.3	1.29%			
VN Small	638.97	0.93%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	537.84		Mua	2.22		Mua	11.71	
Bán	785.44		Bán	17.55		Bán	20.34	
GT ròng	-247.6		GT ròng	-15.33		GT ròng	-8.63	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VPB	1300	6.97%	SHS	800	9.76%	VGT	942	13.27%
MSH	2050	6.95%	BCC	500	8.47%	M10	2930	11.77%
VRE	1650	6.93%	CEO	200	3.03%	SAS	1667	6.69%
SVI	4400	6.92%	DGC	500	2.24%	LTG	802	4.66%
BMI	1100	6.83%	SHB	300	1.71%	ACV	2007	3.84%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TVB	-1050	-6.84%	TAR	-1700	-5.57%	SIP	-2934	-3.78%
DMC	-3200	-6.07%	VCS	-1500	-2.56%	MCH	-928	-1.40%
QCG	-330	-5.49%	LAS	-100	-2.00%	OIL	-41	-0.62%
BFC	-450	-4.23%	IDJ	-300	-1.80%	QNS	-109	-0.44%
MSN	-2100	-3.49%	TNG	-200	-1.71%	BOT	-142	-0.26%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	321,331		ACB	32,922		ACV	113,811	
VCB	261,847		SHB	30,718		MCH	46,769	
VHM	220,726		VCG	10,866		VEA	44,604	
VNM	173,441		VCS	9,376		BCM	19,601	
BID	148,412		PVI	7,095		BSR	17,989	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	13,460,370	15,817,569	SHB	7,747,824	8,825,724	BSR	3,111,240	3,376,203
POW	11,334,920	4,327,318	PVS	6,488,141	5,384,326	LPB	2,775,624	2,996,443
VPB	9,981,903	4,100,883	SHS	2,961,793	1,538,790	PPI	1,287,930	123,116
HPG	9,295,420	9,403,066	MST	2,250,750	1,176,820	LTG	691,080	118,400
STB	7,684,370	11,339,528	ACB	1,947,793	5,159,050	OIL	608,245	495,859

Nguồn: Bloomberg & YSVN

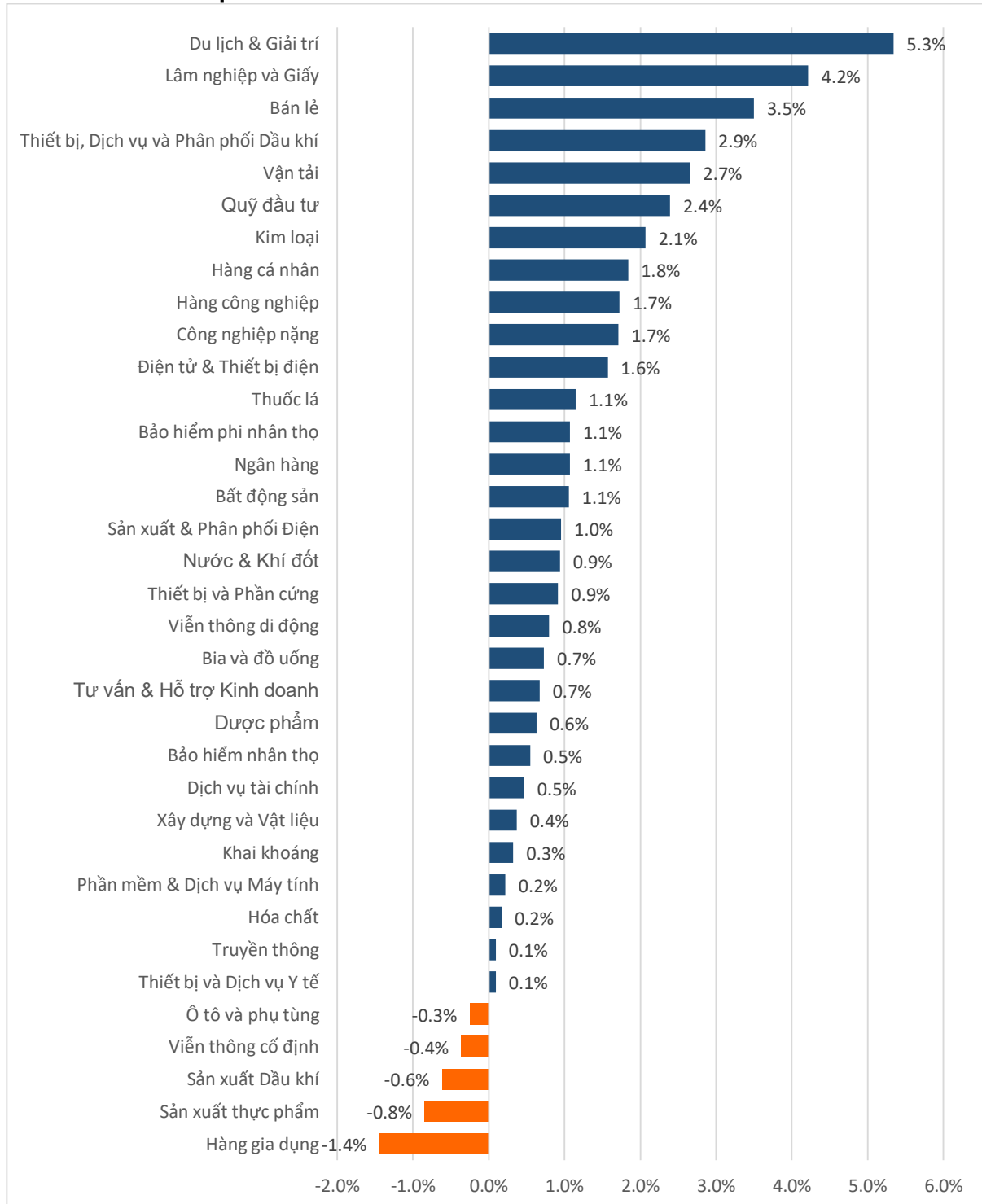
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



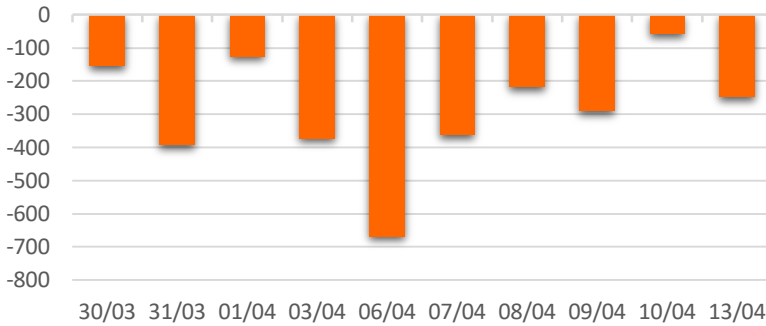
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

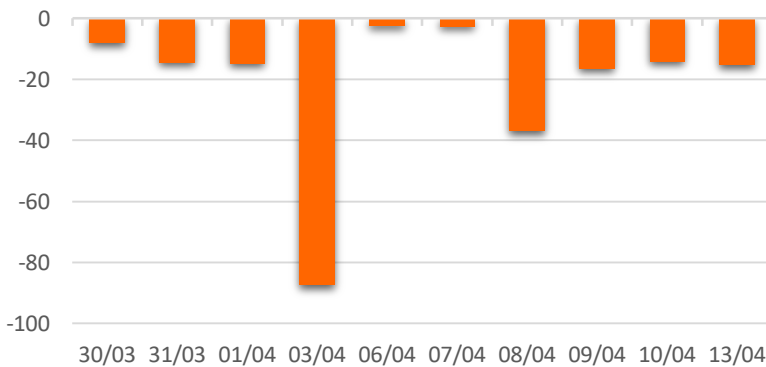
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	24,313	VIC	83,568
HPG	14,362	BID	58,327
VCB	13,969	HDB	49,937
HCM	11,389	MSN	21,025
NLG	10,765	VPB	16,823

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

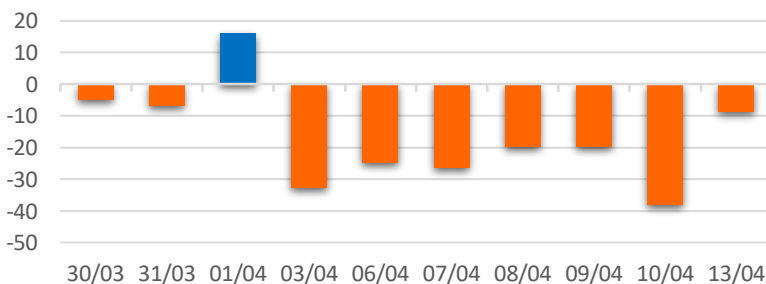
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	587	SHB	10,218
TIG	346	PVS	2,825
CEO	254	TNG	1,383
BVS	122	SHS	1,071
INN	98	LAS	974

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	4,160	BSR	9,330
LPB	2,346	ACV	7,818
MCH	198	VIB	1,078
LTG	183	QNS	398
KHD	32	KDF	322

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



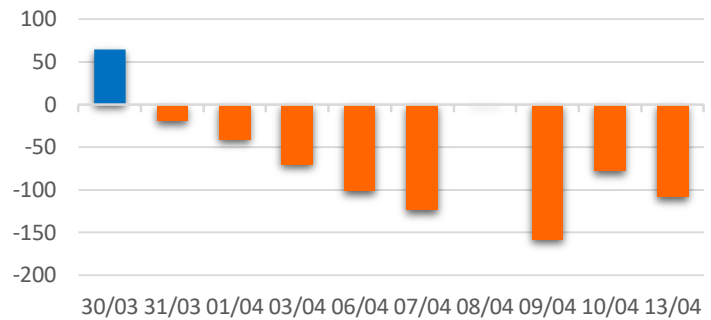
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

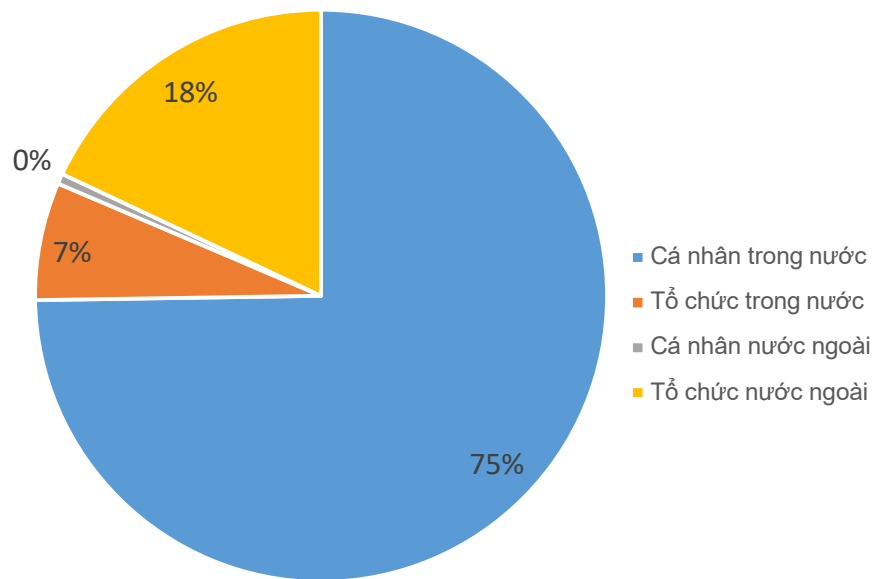
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	8,173	<b>DBC</b>	37,783
<b>MBB</b>	4,888	<b>HPG</b>	27,811
<b>HSG</b>	2,251	<b>MWG</b>	14,756
<b>MWG</b>	1,728	<b>PLX</b>	12,706
<b>IMP</b>	1,614	<b>MBB</b>	10,467

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

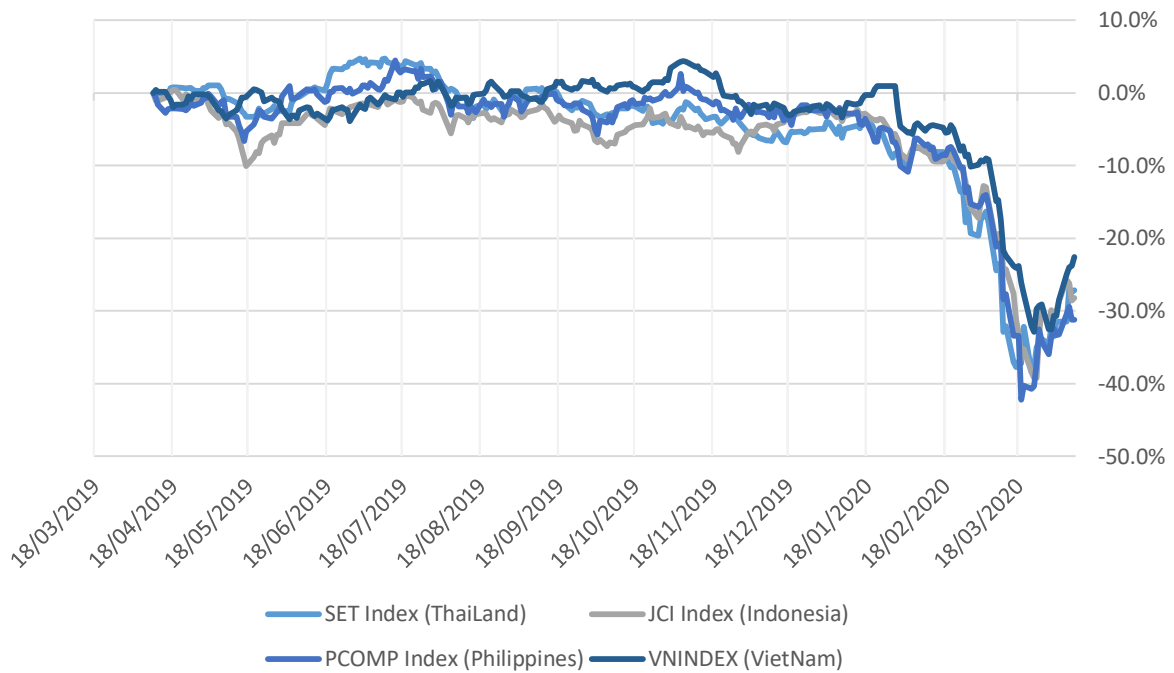


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

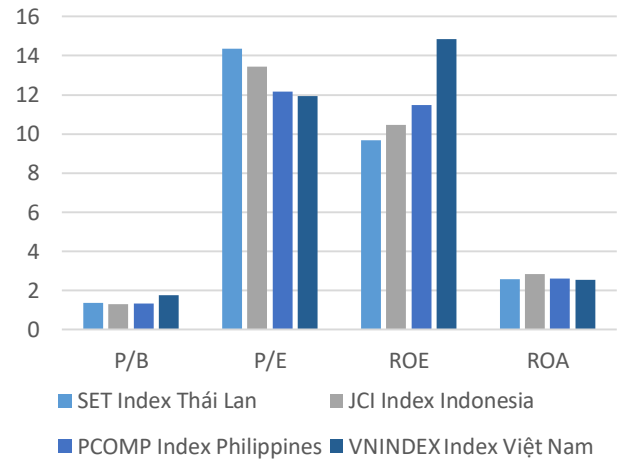
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.3x	1.3x	1.3x	1.7x
P/E		14.4x	13.4x	12.2x	11.9x
ROE	%	9.69	10.45	11.48	14.86
ROA	%	2.56	2.83	2.61	2.53
Vốn hóa	Tỷ USD	402.75	345.79	137.17	112.86
GTGD	Triệu USD	1.48	0.33	0.10	0.14
LS cổ tức	%	4.13	3.45	2.26	2.42

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

**Trưởng phòng NC-PT**

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

**Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu**

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written